

Ngày 30/09/2025	48,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	21.2%	86.1%	88.2%

	Q3/25	
ROE	15.0%	+/- YoY ▼ 2.7%

	Q3/25		
DT thuần	1,238	QoQ ▲ 681 ▲ 122%	YoY ▲ 927 ▲ 298%
		tỷ VNĐ	

	9T 2025	
DT thuần	2,171	YoY ▲ 922 ▲ 73.8%
		tỷ VNĐ

	Q3/25		
LN gộp	437	QoQ ▲ 250 ▲ 134%	YoY ▲ 369 ▲ 540%
		tỷ VNĐ	

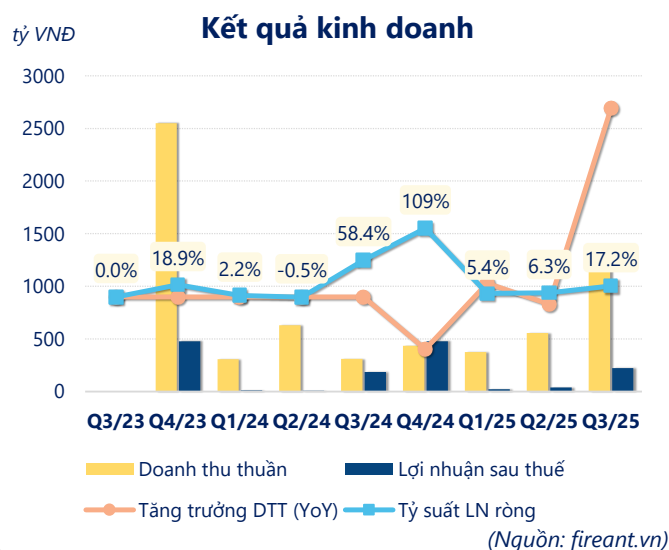
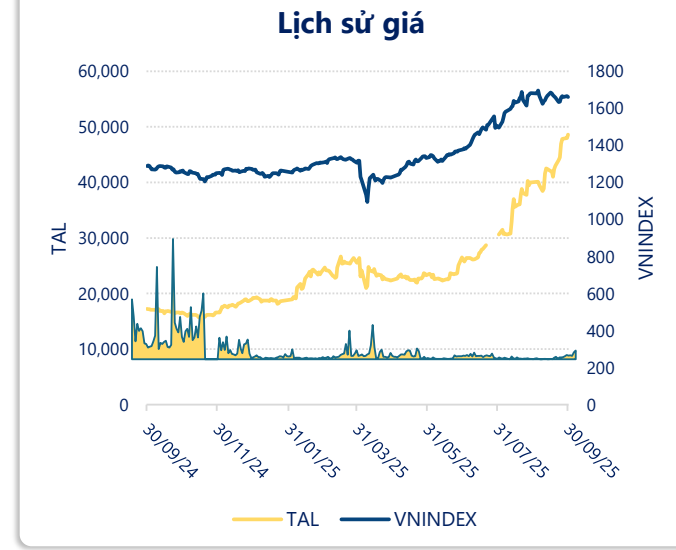
	9T 2025	
LN gộp	754	YoY ▲ 458 ▲ 155%
		tỷ VNĐ

	Q3/25		
LN thuần	282	QoQ ▲ 221 ▲ 362%	YoY ▲ 60.0 ▲ 27.1%
		tỷ VNĐ	

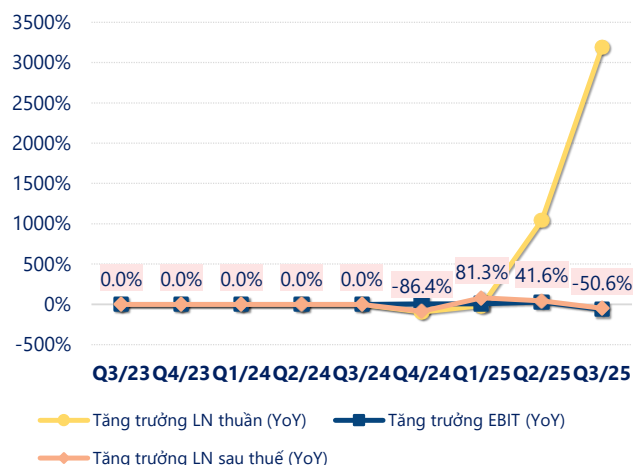
	9T 2025	
LN thuần	380	YoY ▲ 110 ▲ 40.4%
		tỷ VNĐ

	Q3/25		
LN sau thuế	223	QoQ ▲ 185 ▲ 482%	YoY ▲ 38.0 ▲ 20.4%
		tỷ VNĐ	

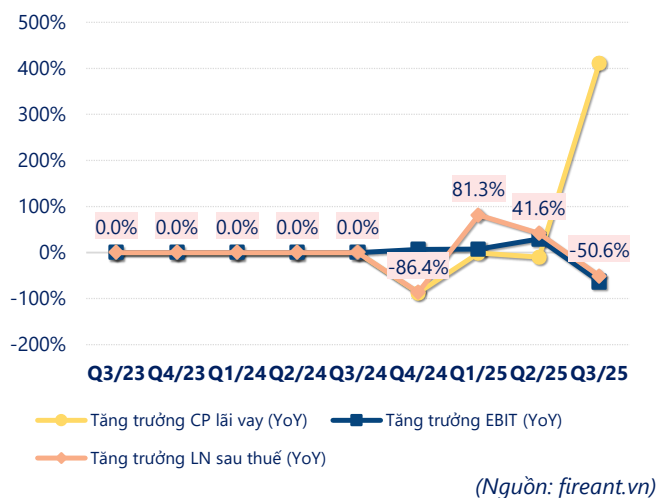
	9T 2025	
LN sau thuế	283	YoY ▲ 81.0 ▲ 40.2%
		tỷ VNĐ



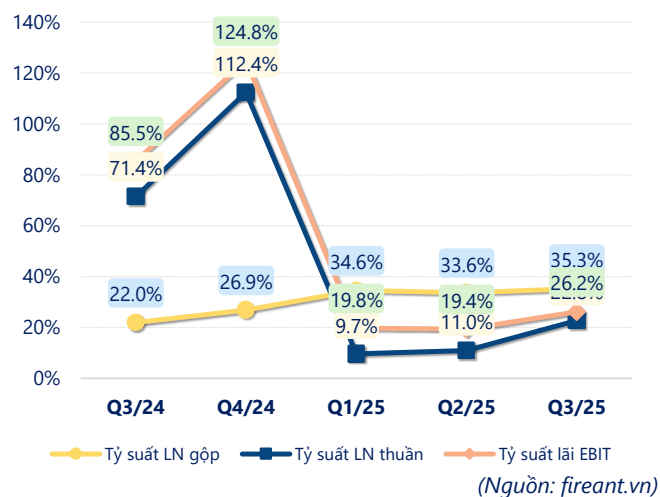
Tăng trưởng lợi nhuận



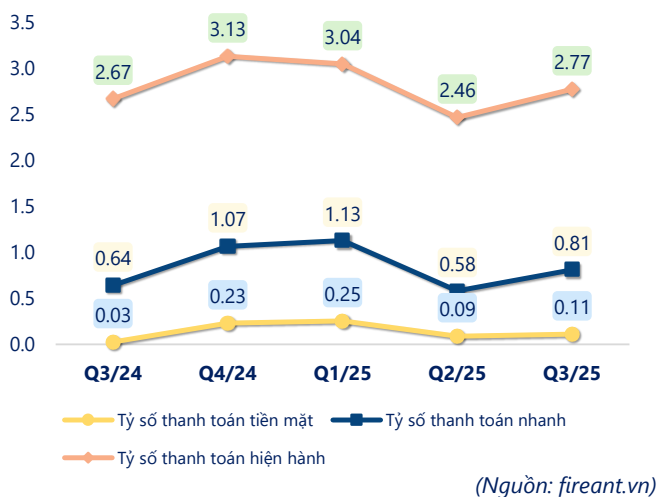
Tăng trưởng chi phí



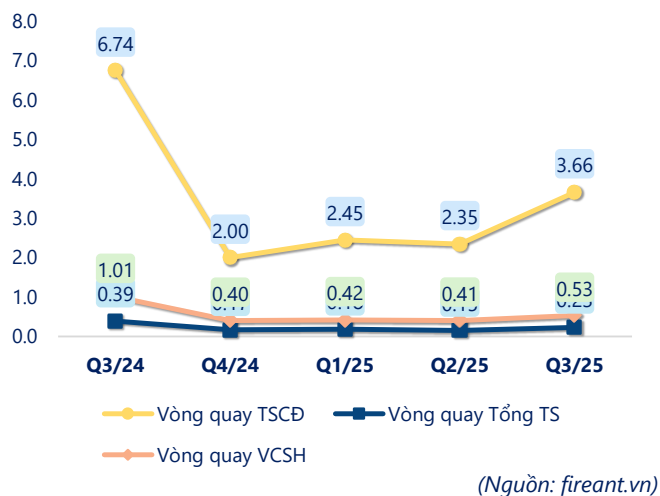
Tỷ suất lợi nhuận



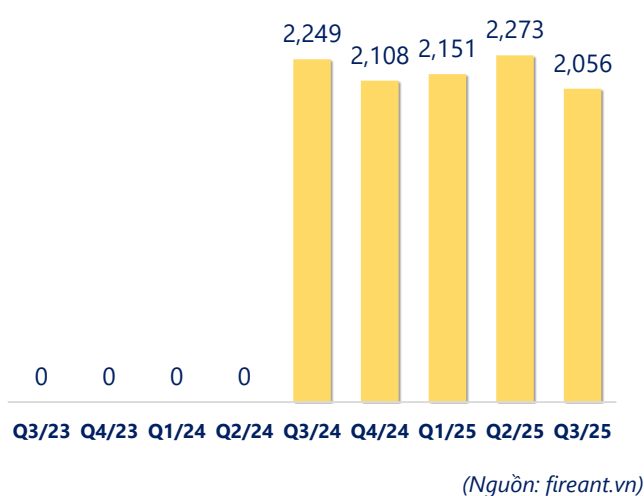
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,238	311	298%	2,171	1,249	73.8%
Giá vốn hàng bán	802	242	231%	1,417	953	48.7%
Lợi nhuận gộp	437	68.2	540%	754	296	155%
Doanh thu HĐTC	16.9	258	-93.4%	34.1	282	-87.9%
Chi phí TC	43.0	36.4	18.3%	137	133	2.8%
Chi phí lãi vay	39.7	51.1	-22.2%	125	117	6.6%
LN trong công ty LKLD	0.09	0.02	341%	0.24	0.18	34.7%
Chi phí bán hàng	54.8	17.6	211%	101	31.0	225%
Chi phí QLDN	73.7	50.5	45.9%	171	144	19.3%
LN thuần từ HĐKD	282	222	27.1%	380	270	40.4%
Lợi nhuận khác	2.33	-7.56	131%	2.09	-11.0	119%
LN trước thuế	285	214	33.0%	382	259	47.1%
Lợi nhuận sau thuế	223	185	20.4%	283	202	40.2%
LNST của CĐ cty mẹ	213	181	17.4%	268	185	44.9%

(Nguồn: fireant.vn)

